



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Cấp nước Sơn La

Ngày 31/12/2025	20,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.0%	13.9%	19.2%

DT thuần Q4/25
35.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.70 1.9%

LN thuần Q4/25
-8.20
tỷ VNĐ
QoQ: ▼14.9 -223%

LN sau thuế Q4/25
-7.77
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.9 -227%

Tỷ suất lãi EBIT 2025

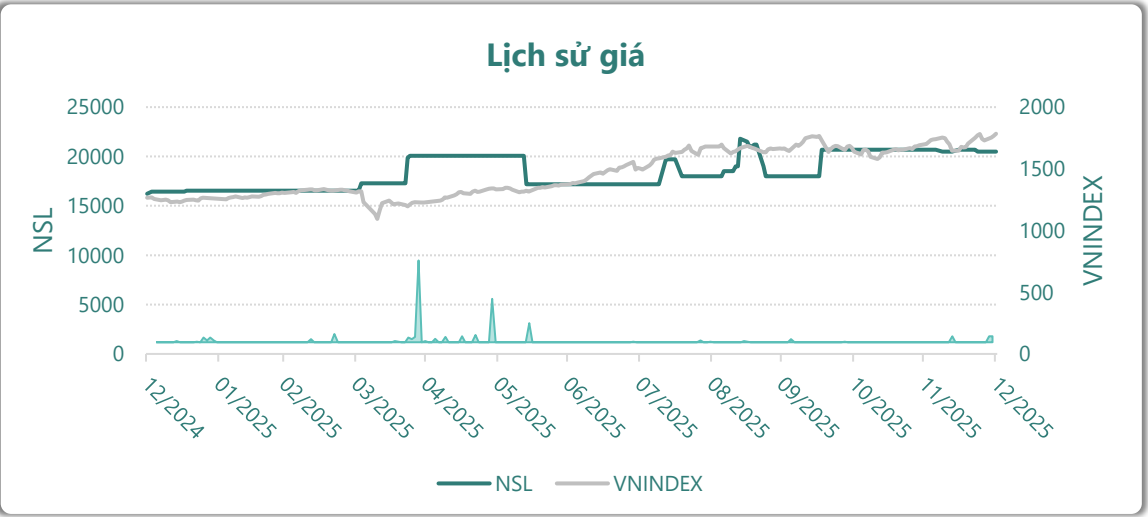
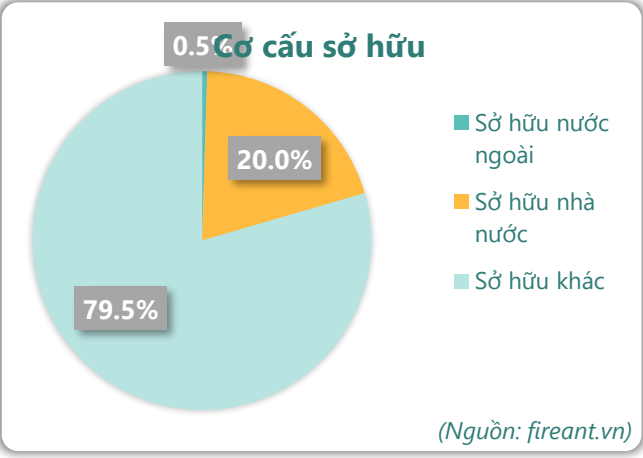
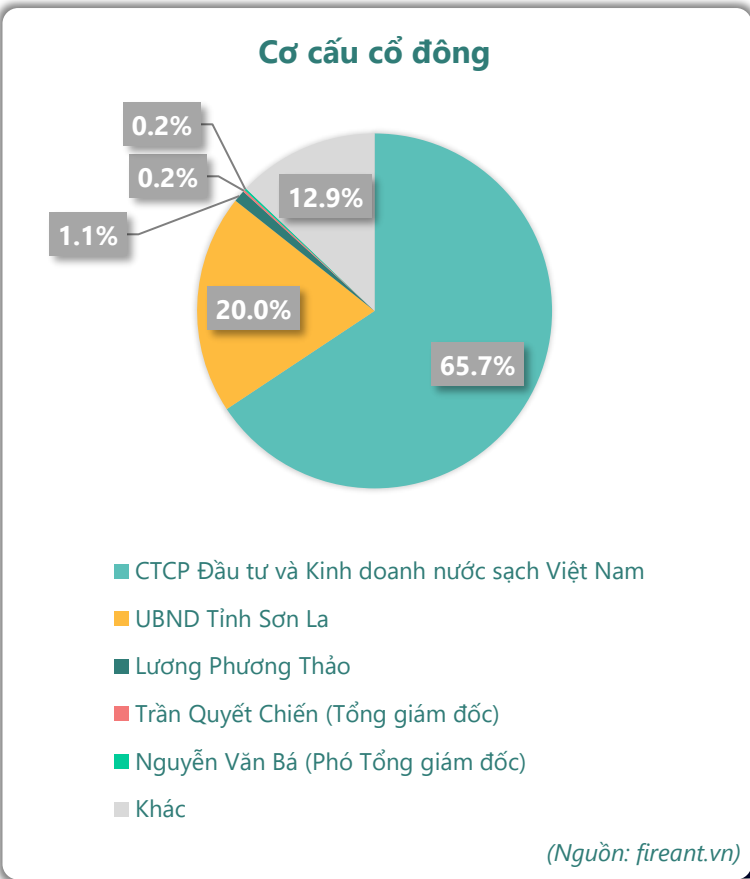
ROE 2025

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	16,224 - 21,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	256
Số lượng CPLH (CP)	12,499,731
KLGD BQ 20 phiên (CP)	125
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.37
EPS	
P/E	

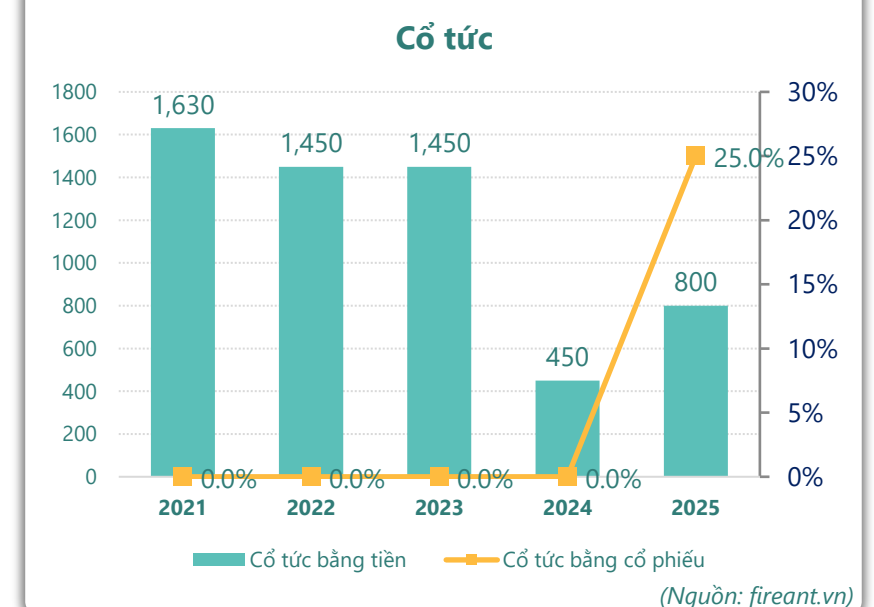
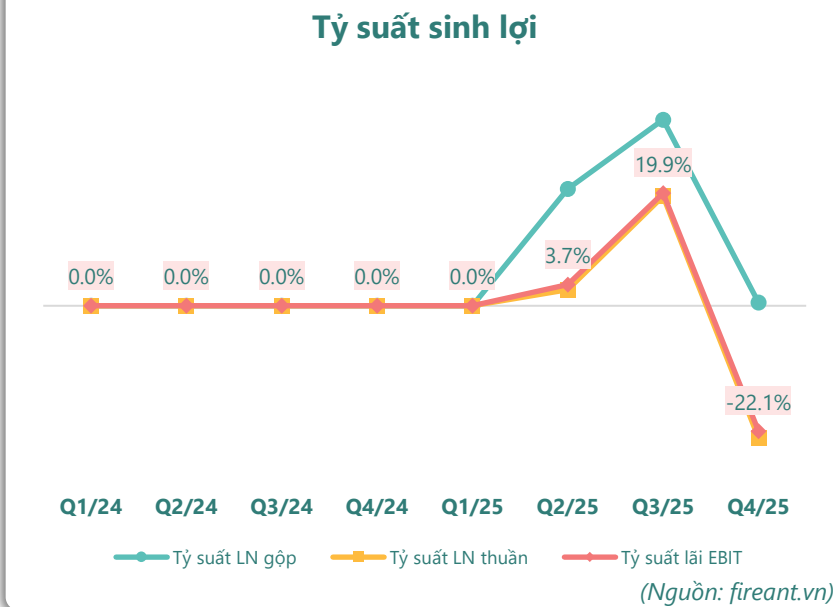
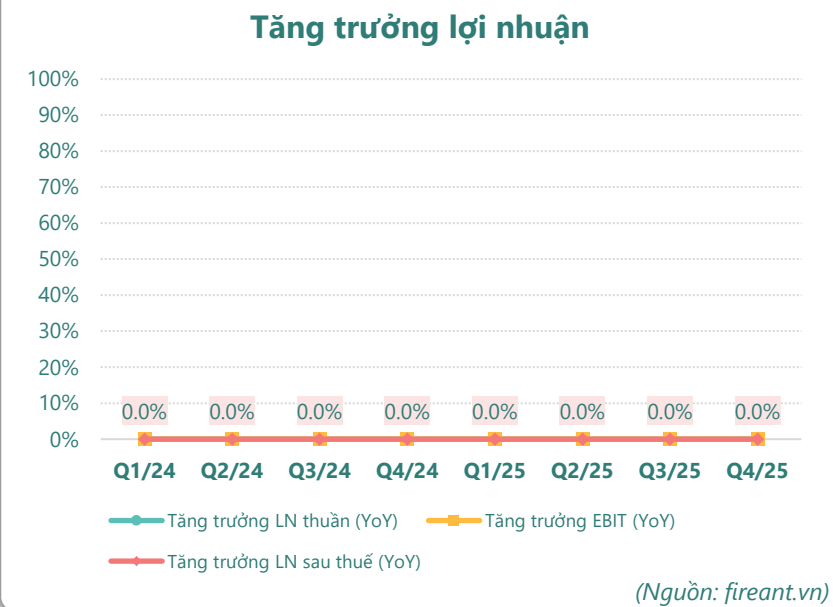
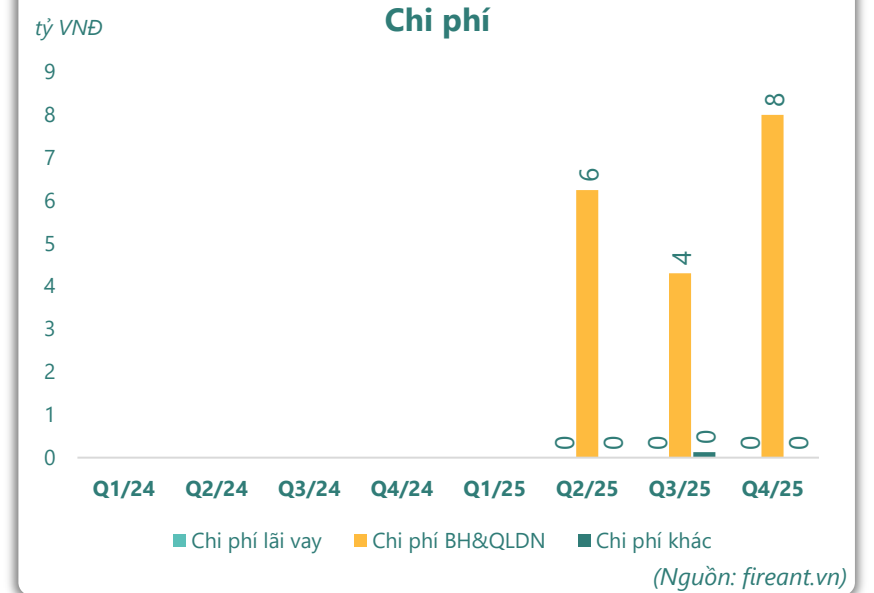
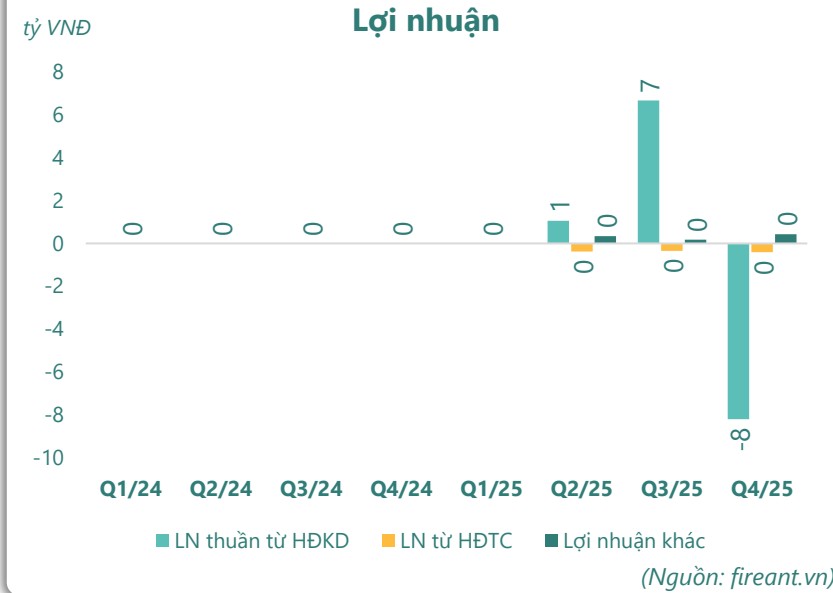
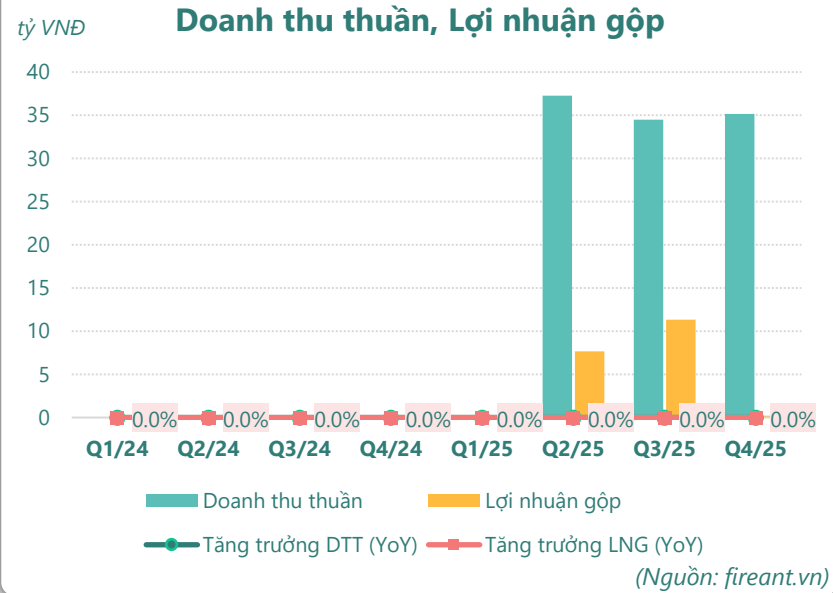
DT thuần 2025
tỷ VNĐ

LN thuần 2025
tỷ VNĐ

LN sau thuế 2025
tỷ VNĐ



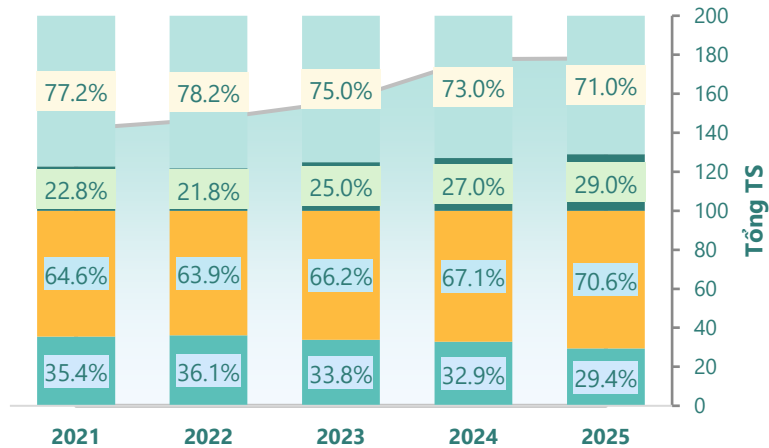
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

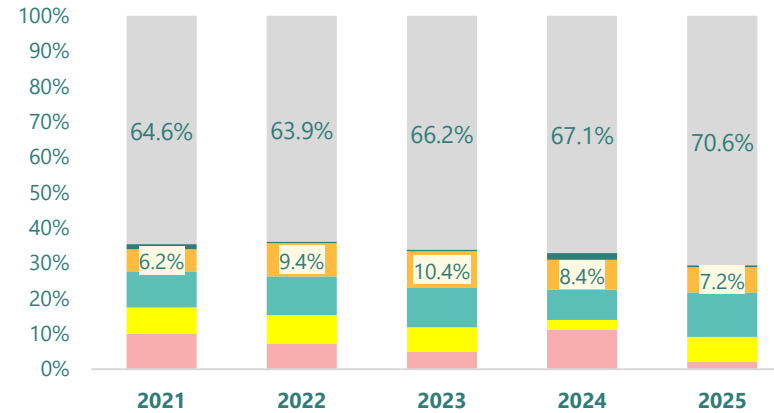
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

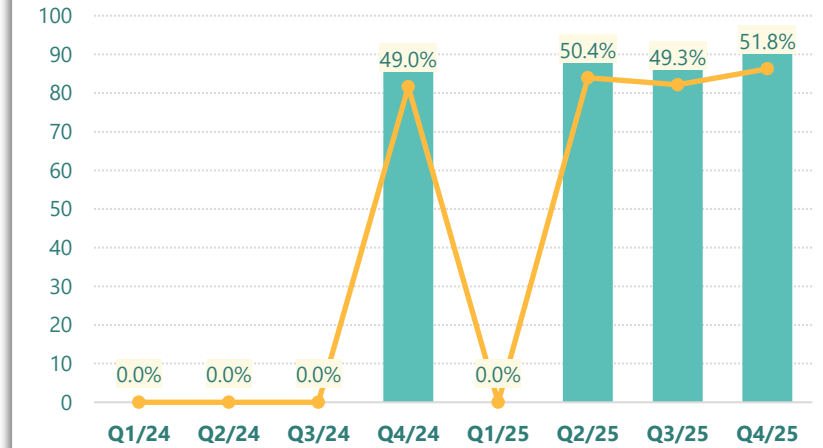


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

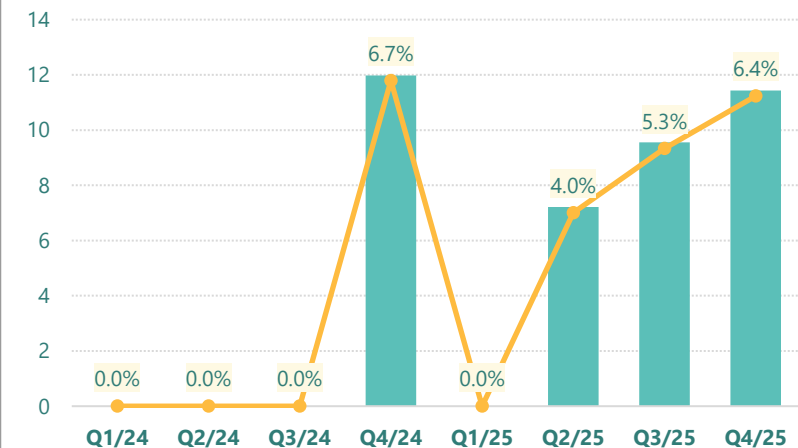


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

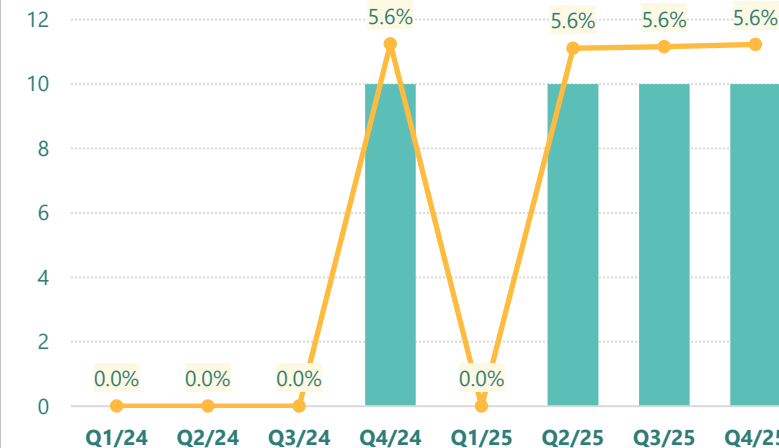


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

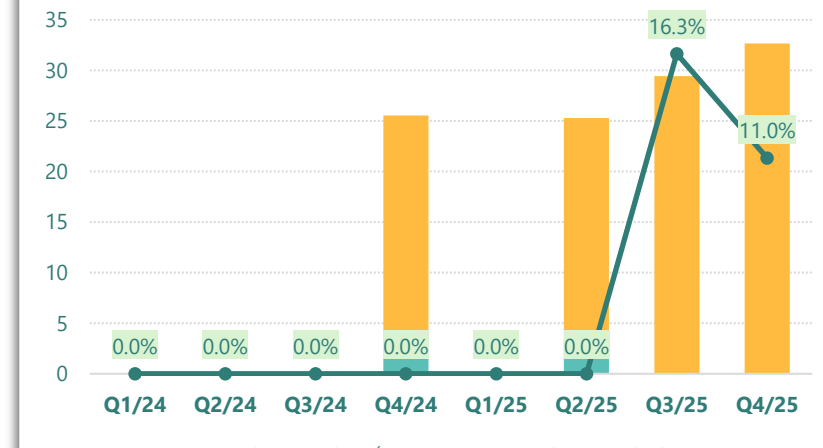


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

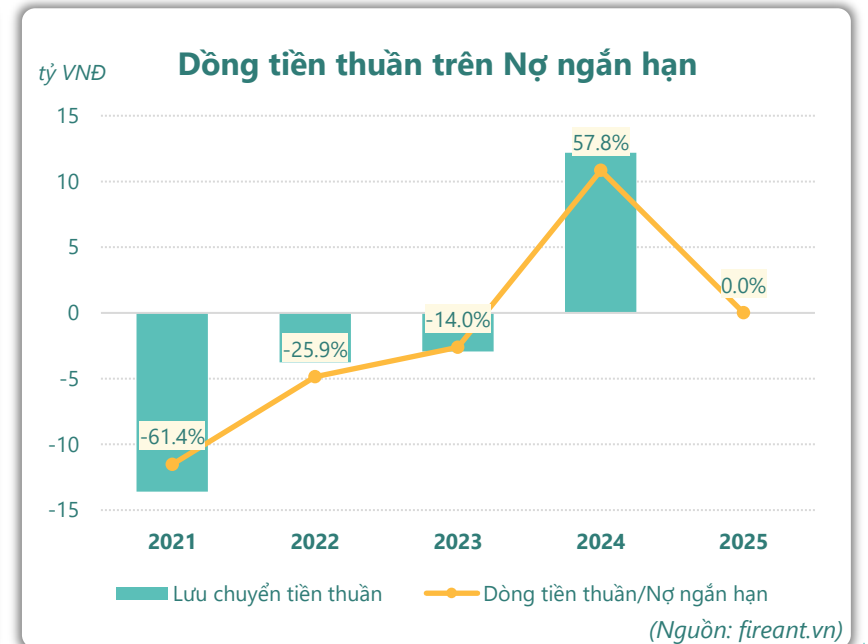
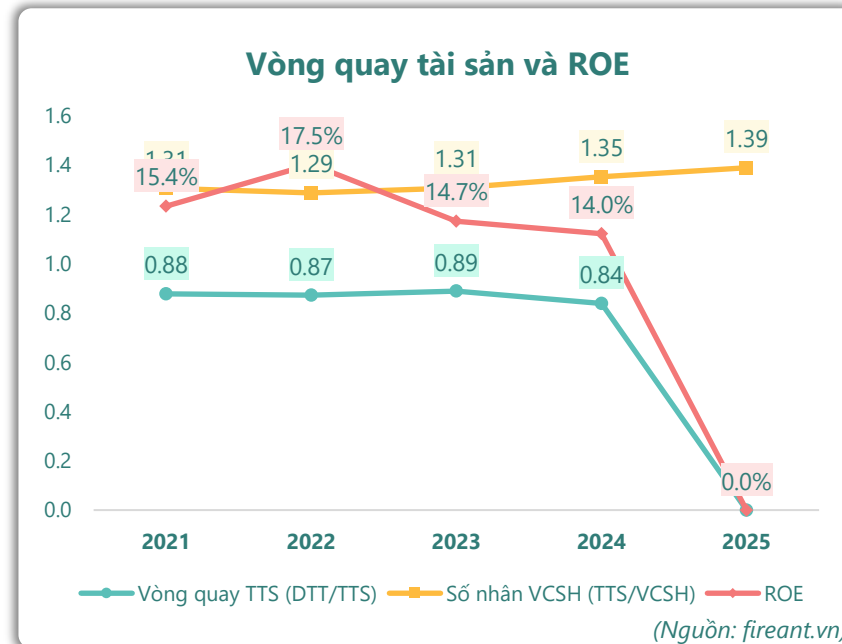
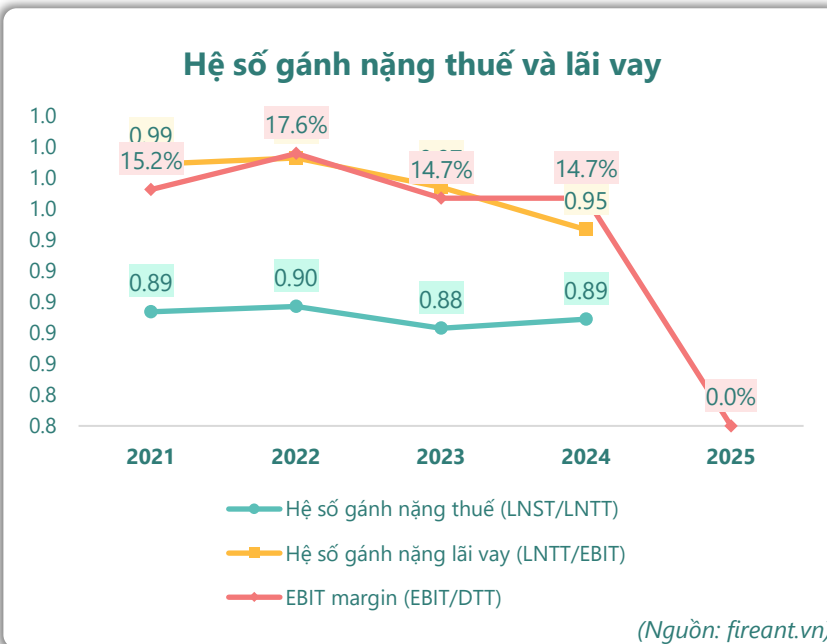
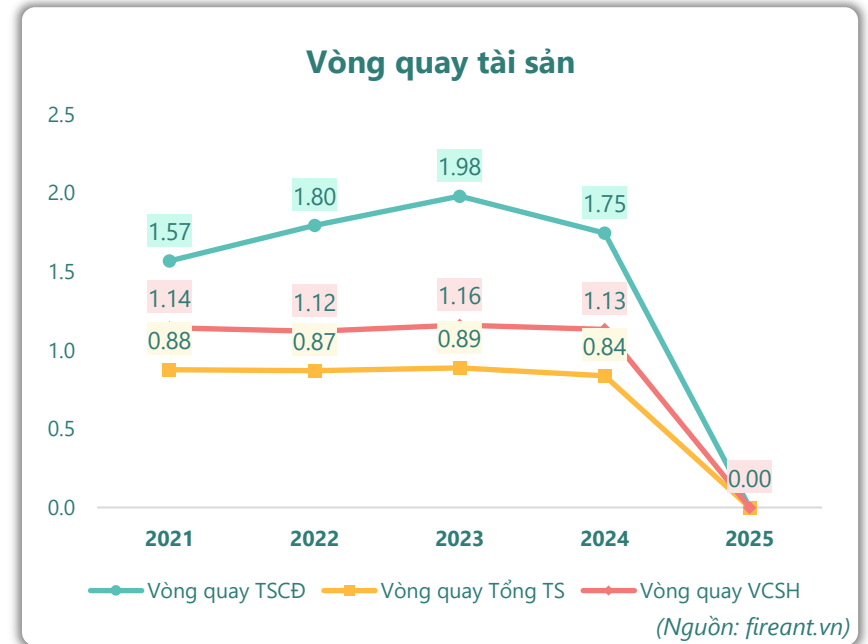
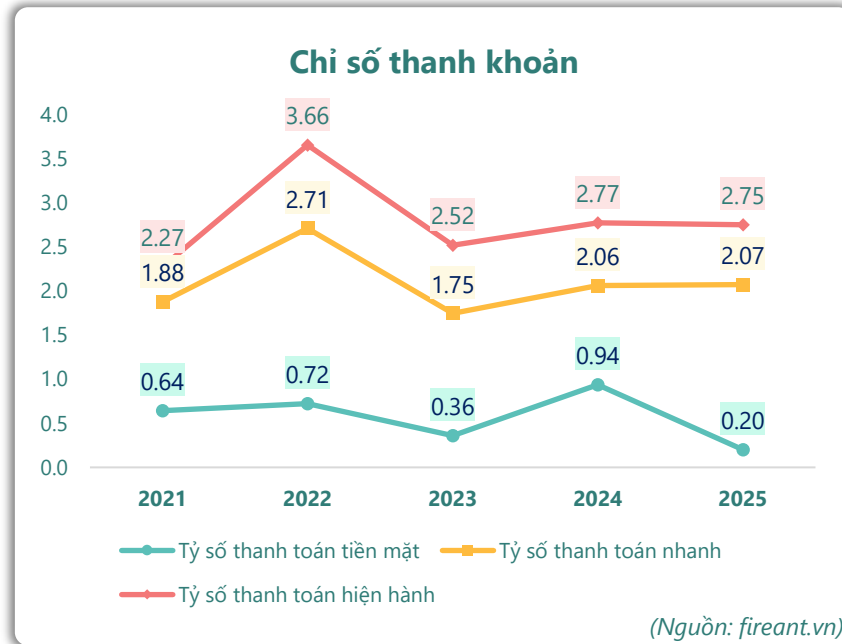
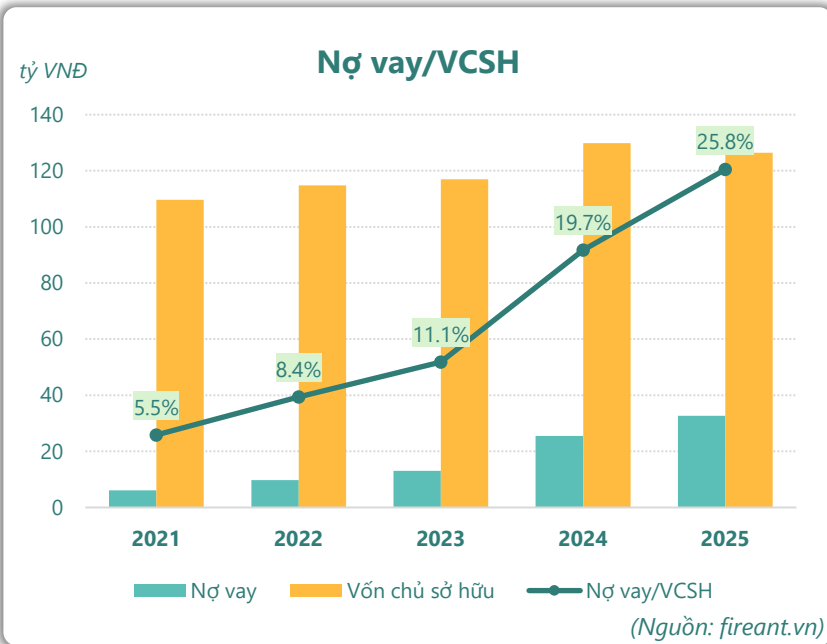


■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	35.2				140	
Giá vốn hàng bán	35.0				97.4	
Lợi nhuận gộp	0.20				42.5	
Doanh thu HĐTC	0.09				0.37	
Chi phí TC	0.49				1.10	
Chi phí lãi vay	0				1.10	
LN trong công ty LKLD	0				0	
Chi phí bán hàng	0				0	
Chi phí QLDN	8.00				22.7	
LN thuần từ HĐKD	-8.20				19.1	
Lợi nhuận khác	0.42				0.34	
LN trước thuế	-7.77				19.5	
Lợi nhuận sau thuế	-7.77				17.3	
LNST của CĐ cty mẹ	-7.77				17.3	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	0	0	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	178	178	0.2%
Tài sản ngắn hạn	52.3	58.4	-10.5%
Tiền và tương đương tiền	3.82	19.7	-80.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.5	5.00	150%
Phải thu ngắn hạn	22.3	15.3	45.6%
Hàng tồn kho	12.9	15.0	-14.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.82	3.39	-75.8%
Tài sản dài hạn	126	119	5.4%
Phải thu dài hạn	1.35	0	
Tài sản cố định	92.2	87.1	5.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	11.4	12.0	-4.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	10.8	10.3	5.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	51.7	48.0	7.7%
Nợ ngắn hạn	19.0	21.1	-9.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	2.86	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.00	1.59	-100.0%
Nợ dài hạn	32.6	26.9	21.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	32.6	22.7	44.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	126	130	-2.6%
Vốn chủ sở hữu	126	130	-2.6%
Vốn điều lệ	125	100	25.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

